



TỔNG QUAN KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2009 VÀ TRIỂN VỌNG 2010

NGUYỄN SINH CỨC *

Vượt qua những khó khăn do khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu, nền kinh tế nước ta năm 2009 vẫn duy trì được mức tăng trưởng hợp lý, lạm phát được kiềm chế, nông nghiệp được mùa. Tuy nhiên, hạn chế và bất cập vẫn còn nhiều, công nghiệp tăng chậm, đầu tư và xuất khẩu giảm, bội chi ngân sách cao... Dự báo năm 2010, kinh tế nước ta sẽ diễn biến theo chiều hướng thuận lợi hơn năm 2009, tốc độ tăng trưởng sẽ cao hơn.

1 - Tổng quan kinh tế năm 2009

Năm 2009, kinh tế nước ta phát triển trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn hơn các năm trước. Ở trong nước, thiên tai xảy ra trên diện rộng với mức độ rất nặng nề. Cả năm có 11 cơn bão tràn qua lãnh thổ, trong đó có những cơn gây lũ lụt, ngập úng sâu và dài ngày tại các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên, gây thiệt hại hết sức nghiêm trọng. Dịch bệnh, nhất là cúm A/H1N1, sốt xuất huyết, sâu bệnh bùng phát ở nhiều vùng và địa phương. Ở ngoài nước, thị trường giá cả thế giới biến động phức tạp. Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu đã tác động trực tiếp đến nhiều ngành kinh tế nước ta như công nghiệp, xuất khẩu, thu hút vốn đầu tư, du lịch. Thuận lợi tuy có nhưng không nhiều.

Trước tình hình đó, Bộ Chính trị, Quốc Hội, Chính phủ đã kịp thời đề ra các quyết sách thích hợp và cụ thể bằng các chủ trương, chính sách kinh tế, tài chính nhằm vượt qua khó khăn, phát huy thuận lợi, tập trung mọi

nguồn lực cho phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội. Tháng 12-2008, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 30 về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng, bảo đảm an sinh xã hội. Gói kích cầu hỗ trợ các doanh nghiệp và hộ gia đình được thực hiện với nhiều giải pháp thích ứng như giảm lãi suất cơ bản, hỗ trợ lãi suất vay vốn lưu động 4%/năm, bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, giãn thời gian nộp thuế... Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, sự nỗ lực cố gắng của các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở sản xuất và doanh nghiệp vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng hợp lý.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) cả năm tăng 5,2%, vượt chỉ tiêu Quốc hội đề ra (5%). Tuy tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp nhất trong vòng 10 năm gần đây (năm 2008 tăng 6,18%, năm 2007 tăng 8,46%, 2006 tăng

* PGS, TS

8,23%...), nhưng Việt Nam vẫn được thế giới đánh giá là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực châu Á (sau Trung Quốc tăng 7,8%). Diễn biến trong năm, xu hướng tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước: quý I tăng 3,14%, quý II tăng 4,46%, quý III tăng 5,76% và quý IV ước tăng 6,8%. Cả 3 khu vực kinh tế đều đạt tốc độ tăng trưởng dương, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5% và khu vực dịch vụ tăng trên 6,5%.

Mức tăng trưởng như trên cho thấy, xu hướng phục hồi của nền kinh tế nước ta năm 2009 là rõ nét. Kết quả đó đánh dấu sự thành công bước đầu của Chính phủ trong chỉ đạo, điều hành vĩ mô nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế. Đến nay, có thể khẳng định chắc chắn rằng Việt Nam đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế tồi tệ nhất của thế giới trong vòng 80 năm qua và bắt đầu lấy lại đà tăng trưởng.

Do tăng trưởng kinh tế khá nên tình hình tài chính ổn định. Tổng thu ngân sách cả năm ước đạt 390 nghìn tỉ đồng. Các khoản thu lớn đều đạt và vượt dự toán cả năm và tăng so với năm 2008. Thu nội địa tăng 5%, thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng 3,5%. Trong thu nội địa, thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng 10%, thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) bằng 90%, thu thuế công, thương nghiệp và dịch vụ ngoài nhà nước tăng 3%, thu phí xăng dầu tăng 45%, thu phí và lệ phí tăng 5%.

Tổng chi ngân sách nhà nước cả năm đạt 104% dự toán cả năm, trong đó chi đầu tư phát triển tăng 8%; (riêng đầu tư xây dựng cơ bản tăng 9%); chi phát triển sự nghiệp kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể tăng 5%, chi trả nợ và viện trợ tăng 3%.

Tuy nhiên, điều đáng lo ngại trong cân đối ngân sách nhà nước năm 2009 là bội chi ngân sách nhà nước còn cao - 6,9% GDP, trong khi khoản bội chi này chưa tính đến các khoản chi từ nguồn trái phiếu chính phủ, các khoản chính phủ vay về cho doanh nghiệp vay lại. Năm 2008, khi lạm phát gần 20% bội chi ngân sách chỉ có 5%, nhưng năm nay lạm phát dưới 6,9% mà bội chi ngân sách như trên là quá lớn, rất đáng phải suy nghĩ. Tỷ lệ nợ nước ngoài so với GDP bằng 29,7%, tuy nhiên, theo đánh giá của các chuyên gia Ngân hàng Thế giới (WB), thì vẫn nằm trong mức an toàn. Nhưng, nếu tính thêm yếu tố tỷ giá hối đoái tăng, thì tổng nợ nước ngoài lên tới mức cao hơn tổng thu ngân sách nhà nước năm 2009, là điều đáng quan ngại.

Các ngành sản xuất và dịch vụ tiếp tục tăng trưởng khá nhưng chưa đều và chưa vững.

Sản xuất nông nghiệp phát triển và tăng trưởng khá. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2009 ước tăng 4,2% so năm 2008 (năm 2008 tăng 5,6%), trong đó nông nghiệp tăng 3,5%, lâm nghiệp tăng 2,8% và thủy sản tăng 4,5%. Trong bối cảnh có nhiều khó khăn do thiên tai lớn gây thiệt hại nặng nề, nhất là ở các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên, thì đây là điều rất đáng ghi nhận, song hạn chế vẫn còn nhiều.

Trong trồng trọt, sản lượng lúa cả năm ước đạt 39,3 triệu tấn, là mức cao nhất từ trước đến nay và tăng hơn nửa triệu tấn so với năm 2008. Mặc dù diện tích gieo cấy giảm do rét đậm trong vụ đông xuân các tỉnh phía Bắc và ảnh hưởng của mưa lũ lớn trong vụ hè thu và vụ mùa, nhưng nhờ năng suất lúa tăng nên sản lượng tăng cả 3 vụ trong năm. Sản xuất ngô tiếp tục phát triển toàn diện cả diện tích, năng suất nên sản lượng tăng khoảng 400 nghìn tấn so với năm 2008.

Sản lượng lương thực có hạt năm 2009 đạt trên 44 triệu tấn, tăng khoảng 700 nghìn tấn so với năm 2008, là mức cao nhất từ trước đến nay. Lương thực bình quân nhân khẩu đạt khoảng 513 kg/người, tăng 11 kg so với năm 2008 (502kg), dù dân số tăng hơn 1 triệu người. Do đó an ninh lương thực quốc gia được bảo đảm ổn định trong mọi tình huống. Lượng gạo xuất khẩu cả năm đạt hơn 6 triệu tấn, tăng 33% so với năm 2008. Thiếu đói giáp hạt giảm 31% về số hộ, giảm 27,6% về số khẩu so với năm 2008, dù thiên tai, bão lũ gây thiệt hại nặng nề hơn. Sản xuất rau, màu, cây công nghiệp, cây ăn quả tiếp tục phát triển và tăng trưởng khá. Sản lượng cà-phê nhân vượt 1 triệu tấn, cao su mủ khô trên 700 tấn...

Chăn nuôi phát triển toàn diện cả về gia súc, gia cầm. Giá trị sản xuất chăn nuôi năm 2009 ước tăng 7,5% và cao hơn tốc độ tăng năm 2008 (6%) và các năm trước đó.

Lâm nghiệp vẫn phát triển trong khó khăn. Diện tích trồng rừng tập trung đạt trên 220 nghìn ha, tăng 5% so với năm 2008, sản lượng gỗ khai thác đạt 3.520 nghìn m³. Diện tích rừng bị cháy, bị phá chỉ có 3.500 ha, tỷ lệ rừng được che phủ đạt 39,5%, cao hơn năm 2008.

Tuy bão lũ nhiều, nhưng nuôi trồng và đánh bắt thủy sản vẫn phát triển và tăng trưởng tốt. Sản lượng thủy sản cả năm đạt trên 4,9 triệu tấn, tăng 4,5% so với năm 2008, trong đó sản lượng nuôi trồng đạt 2,6 triệu tấn, sản lượng đánh bắt trên 2,3 triệu tấn, đều cao hơn năm 2008. Sản xuất thủy sản không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước, mà còn tăng số lượng xuất khẩu. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản cả năm ước đạt 4,3 tỉ USD, mức cao nhất từ trước đến nay và tăng so với năm 2008.

Tuy nhiên, hạn chế của nông, lâm nghiệp và thủy sản 2009 là tính bền vững chưa cao. Trong sản xuất, xu hướng tự phát chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn phổ biến. Diện tích lúa vụ thu đông (vụ 3 ở vùng đồng bằng sông Cửu Long) vẫn phát triển tự phát, chưa ổn định. Sản lượng các cây trồng khác tăng - giảm không ổn định, nhất là cây vụ đông ở vùng đồng bằng sông Hồng, như cây bông, mía, cà-phê, cao-su... Chăn nuôi trâu, bò đều giảm và tình trạng nhập bò ngoại (Thái Lan) với số lượng lớn không qua kiểm dịch đang tiềm ẩn nguy cơ lây lan dịch bệnh, nhưng chưa có biện pháp quản lý của các ngành, các địa phương. Nuôi trồng và khai thác thủy sản vẫn chưa ổn định cả về diện tích mặt nước, kỹ thuật, con giống, ngư trường, ngư cụ, tàu thuyền... nên tốc độ tăng trưởng đã chậm lại so với các năm trước.

Thị trường tiêu thụ, nhất là xuất khẩu gặp nhiều khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Mặc dù lượng nông sản xuất khẩu nước ta năm 2009 tăng, nhưng kim ngạch lại giảm do giá giảm: Lương gạo tăng 33% nhưng kim ngạch giảm 5,8%, cà-phê tăng 15,5% về lượng nhưng giảm 17,4% về trị giá, thủy sản xuất khẩu cũng tăng chậm.

Sản xuất công nghiệp bắt đầu phục hồi và tăng trưởng dần qua các quý. Giá trị sản xuất công nghiệp cả năm ước đạt 8%, trong đó khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng 3,7%, khu vực ngoài nhà nước tăng trên 10% và khu vực FDI tăng trên 8%. Các tốc độ này thấp hơn tốc độ tăng của các năm trước do tác động tiêu cực của khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, nét tiến bộ đáng ghi nhận là tốc độ tăng trưởng công nghiệp quý sau cao hơn quý trước: Quý I tăng 2,2%, quý II tăng 7%, 6 tháng đầu năm tăng 4,3%, quý III tăng 8,5%, 9 tháng tăng 6,5%. Trong 34 sản phẩm

công nghiệp chủ yếu có 18 sản phẩm tăng so với năm 2008. Một số tỉnh, thành phố vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, trong đó Thanh Hóa tăng 13%, Quảng Ninh tăng 13%, Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 10%. Tuy nhiên, công nghiệp vẫn hồi phục chưa đều, chưa vững. Giá trị sản xuất công nghiệp của nhiều mặt hàng và địa phương giảm mạnh so với năm 2008 do ảnh hưởng của thị trường tiêu thụ, nhất là xuất khẩu, như: phân hóa học, khí đốt thiên nhiên, xe chở khách, khí hóa lỏng, vải dệt từ sợi bông, quần áo người lớn. Các tỉnh, thành phố có quy mô công nghiệp lớn hoặc có nhiều khu công nghiệp tập trung, nhiều dự án FDI, là những địa phương có giá trị sản xuất công nghiệp tăng chậm hoặc ít bị giảm sút so với năm 2008.

Đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước đạt kế hoạch đề ra, trong đó vốn trung ương vượt kế hoạch 5%. Thu hút vốn FDI giảm mạnh (70%) so với năm 2008, chỉ đạt trên 22 tỉ USD. Trong đó, vốn đăng ký mới đạt trên 17 tỉ USD, vốn đăng ký bổ sung đạt trên 5 tỉ USD. Tuy nhiên, tỷ lệ vốn thực hiện đạt khá, bằng 47% (10 tỉ USD) vốn đăng ký, cao hơn năm 2008 (18%).

Hạn chế khác của đầu tư nước ngoài trong năm 2009 là tỷ trọng vốn đầu tư vào bất động sản tăng quá nhanh: từ 25% năm 2007, 36,8% năm 2008 lên tới 60% năm 2009. Với cơ cấu đầu tư như vậy, khu vực FDI không tạo thêm nhiều việc làm và ít có khả năng tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, không đẩy mạnh được xuất khẩu.

Về sử dụng vốn đầu tư phát triển đã có khởi sắc song chưa đều, chưa vững. Chủ trương kích cầu thông qua nhiều giải pháp hỗ trợ lãi suất cho vay theo Quyết định số 131/QĐ-TTg là đúng đắn, đã góp phần giải cứu cho nhiều doanh nghiệp vượt qua khó khăn, duy trì sản xuất kinh doanh. Song hạn

chế, bất cập vẫn còn. Thực tế chỉ có khoảng 20% doanh nghiệp được vay vốn hỗ trợ lãi suất theo Quyết định trên, 80% số doanh nghiệp còn lại và khu vực hộ gia đình nông dân sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn ít được hưởng lợi từ chủ trương kích cầu. Điều này đã gây ra bất bình đẳng trong quan hệ kinh tế giữa các doanh nghiệp, hộ gia đình và giảm đi ý nghĩa của chủ trương kích cầu của Chính phủ.

Hiệu quả kinh tế của vốn đầu tư nói chung chưa cao. Tổng mức đầu tư toàn xã hội năm 2009 bằng 42,2% GDP (kế hoạch là 39,5%), chỉ số ICOR lên đến 8 là quá cao, so với mức 6,6 của năm 2008

Thị trường, giá cả khá ổn định nhưng sức mua tăng chậm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ năm 2009 tăng 18%, (nếu trừ yếu tố giá thì còn tăng 10%). Tốc độ này thấp hơn các năm trước, trong đó kinh doanh thương nghiệp tăng 19,1%, khách sạn nhà hàng tăng 18,8%, dịch vụ tăng 20,2% và du lịch tăng 1,3% so với năm 2008. Thị trường trầm lắng và sức mua tăng chậm, nhất là khu vực nông thôn.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả năm ước đạt 57 tỉ USD, giảm 11% so với năm 2008, trong đó khu vực kinh tế trong nước giảm 6,7%, khu vực FDI giảm 15,5% (kể cả dầu thô), nếu không kể dầu thô thì khu vực FDI chỉ giảm 4%. Một số mặt hàng xuất khẩu tăng trong năm là gạo, cà-phê, than đá, dầu thô, cao-su. Nét mới trong xuất khẩu năm 2009 là thị trường Hoa Kỳ đạt kim ngạch lớn nhất, gần 10 tỉ USD (tăng mạnh so với các năm trước), EU đạt 8 tỉ USD và thị trường ASEAN gần 8 tỉ USD.

Kim ngạch nhập khẩu cả năm ước đạt 69 tỉ USD, giảm 17% so với năm 2008, bao gồm khu vực kinh tế trong nước giảm 20%, khu

vực FDI giảm 13%. Các mặt hàng nhập khẩu năm 2009 chủ yếu là máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, phụ liệu dệt may... phục vụ sản xuất và hàng tiêu dùng thiết yếu, nhưng có xu hướng giảm cả lượng và giá. Thị trường nhập khẩu lớn nhất vẫn là Trung Quốc, Nhật Bản...

Nhập siêu cả năm là 12 tỉ USD, giảm 33% so với năm 2008 (18 tỉ USD). Nguyên nhân giảm nhập siêu, một mặt, do lượng hàng hóa nhập khẩu giảm hoặc tăng chậm; mặt khác, chủ yếu do giá giảm. Tỷ lệ nhập siêu so với kim ngạch xuất khẩu cả năm là 16,39% (năm 2008 là 29%). Tính bền vững của thị trường xuất - nhập khẩu năm 2009 vẫn chưa ổn định, nhập khẩu giảm mạnh nhưng mức nhập siêu vẫn cao là điều đáng suy nghĩ.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12-2009 tăng 6,28% so với tháng 12-2008. Mục tiêu kiềm chế lạm phát được bảo đảm ổn định hơn hẳn năm 2008 (tăng 19,8%). Đáng chú ý là giá cả nhóm hàng ăn uống và dịch vụ ăn uống chỉ tăng 3,8%, trong đó giá lương thực tăng thấp nhất (2%), nhóm thực phẩm tăng 3,5%, nên thị trường lương thực, thực phẩm nói chung ổn định. Nhóm hàng tăng giá cao nhất là nhà ở và vật liệu xây dựng, kể đến là đồ dùng và dịch vụ khác, đồ uống, thuốc lá và giáo dục.

Giá USD tăng nhẹ: 8,5%, trong khi giá vàng tăng mạnh: 50% so với tháng 12-2008. Vấn đề đáng lo ngại của CPI trong năm 2009 là tính bền vững chưa cao. Tình trạng sốt giá vàng, giá USD và cả giá lương thực ở mức độ khác nhau diễn ra trong năm, một mặt, do giá thế giới biến động; mặt khác, do công tác quản lý, tuyên truyền còn nhiều bất cập.

Hoạt động du lịch tăng chậm. Lượng khách quốc tế đến Việt Nam cả năm đạt 3,8 triệu lượt người, bằng 88% so với năm 2008.

Các nước và vùng lãnh thổ có nhiều khách du lịch đến nước ta những năm trước, năm nay đều giảm, trong đó có Trung Quốc, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Nhật Bản,... Hoạt động du lịch trong nước cũng trong tình trạng đó với số lượt khách và doanh thu từ du lịch, nghỉ dưỡng đều tăng chậm hơn năm 2008. Nguyên nhân một phần do tác động tiêu cực của khủng hoảng kinh tế thế giới, mặt khác do chất lượng và sản phẩm du lịch nước ta còn hạn chế, bất cập.

Tóm lại, kinh tế nước ta năm 2009 về cơ bản đã phục hồi và tăng trưởng hợp lý, nhất là những tháng cuối năm. Trong bối cảnh tác động tiêu cực của khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu, những kết quả đạt được là rất đáng ghi nhận. Các tổ chức tài chính quốc tế như IMF, WB, ADB... đều đánh giá cao kết quả này, như IMF nhận định: *Trong năm 2009 tăng trưởng dự kiến 5,2% của Việt Nam được xem là rất khả quan so với các nền kinh tế khác*. Tuy nhiên, đánh giá của Chính phủ trong báo cáo trước Quốc Hội khóa XII kỳ họp thứ sáu cũng thừa nhận: *Tăng trưởng chủ yếu vẫn theo chiều rộng, năng suất lao động, chất lượng và sức cạnh tranh còn thấp. Việc điều hành tỷ giá và ngoại hối chưa thật linh hoạt, dẫn đến găm giữ USD, cán cân thanh toán bị thâm hụt (dự báo 1,9 tỉ USD). Bội chi ngân sách tăng và chính sách tiền tệ nổi lũng luôn tiềm ẩn nguy cơ lạm phát cao trở lại*. Tình hình này đang đặt ra cho năm 2010 những vấn đề mới cần nghiên cứu và giải đáp.

2 - Triển vọng kinh tế năm 2010

Dự báo năm 2010 kinh tế nước ta có triển vọng tăng trưởng cao hơn năm 2009, nhưng vẫn thấp hơn các năm trước khủng hoảng kinh tế thế giới vì những lý do dưới đây:

Thứ nhất, kinh tế thế giới đã hồi phục sau khủng hoảng nhưng vẫn tăng trưởng chậm. Theo dự báo của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), thương mại toàn cầu sẽ hồi phục vào giữa năm 2010 khi đạt mức tăng trưởng 3,2% do sức cầu của nhiều nền kinh tế lớn sẽ tăng trở lại. Trong lĩnh vực đầu tư, mặc dù luồng vốn FDI có khả năng sẽ tăng trở lại, nhưng sẽ phụ thuộc nhiều vào đà phục hồi của kinh tế thế giới.

Năm 2010, châu Á được đánh giá là khu vực sẽ phục hồi sớm nhất, trong đó đáng chú ý là sự phục hồi của kinh tế Trung Quốc. Đà phục hồi của kinh tế thế giới và châu Á sẽ phụ thuộc nhiều vào sự phục hồi của kinh tế Mỹ, đặc biệt là lĩnh vực tài chính - tiền tệ và bất động sản tại nước này. Tuy nhiên, theo dự báo, kinh tế Mỹ vẫn phục hồi chậm (dự báo sẽ theo mô hình chữ U có đáy kéo dài). Như vậy, tình trạng thiếu vốn của các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam sẽ còn diễn ra, xuất khẩu sẽ còn gặp khó khăn.

Thứ hai, ở trong nước, tuy kinh tế nước ta đã phục hồi và tăng trưởng khá trong quý IV-2009, nhưng khó khăn và thách thức vẫn còn nhiều: thiếu vốn; thị trường xuất khẩu hàng hóa và thu hút khách du lịch nước ta phụ thuộc vào Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc..., nhưng trong năm 2010 nền kinh tế các nước này vẫn tăng trưởng chậm; nhu cầu tiêu dùng của người dân sau khủng hoảng kinh tế cũng tăng chậm hơn, cơ cấu mặt hàng cũng thay đổi, trong khi đó hàng hóa và sản phẩm dịch vụ của nước ta chất lượng chưa cao, giá cả kém cạnh tranh, lại chậm đổi mới theo yêu cầu thị trường, nên khả năng xuất khẩu bị hạn chế. Việc liên tục thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng, tăng mạnh cung tiền có thể dẫn đến nguy cơ lạm phát. Bên cạnh đó, thâm hụt ngân sách tăng mạnh trong năm 2009 do Chính phủ tiếp tục thực hiện các kế

hoạch kích thích kinh tế là những bất cập cần điều chỉnh.

Nhưng nước ta cũng có những thuận lợi: Kinh tế nước ta tuy chịu tác động tiêu cực từ sự suy thoái kinh tế thế giới, nhưng mức độ không nhiều. Nông nghiệp là ngành ít chịu ảnh hưởng nhất và cũng là ngành phát triển toàn diện và tăng trưởng cao liên tục trong năm 2008, 2009 và dự báo cả năm 2010. Tình hình chính trị, xã hội ổn định và sự đồng thuận cao đã và đang là nhân tố tích cực để các doanh nghiệp, hộ gia đình yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Nguồn vốn ODA của các nhà tài trợ năm 2010 đạt mức cao góp phần hạn chế khó khăn về vốn trong nước. Những tháng cuối năm 2009 đã xuất hiện những tín hiệu tích cực ở hầu hết các lĩnh vực kinh tế. Xu hướng phục hồi kinh tế cùng với việc cải thiện môi trường đầu tư, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu của Chính phủ đã tác động đến niềm tin của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Số doanh nghiệp thành lập mới đang tiếp tục tăng lên vào cuối năm 2009 là tín hiệu đáng mừng.

Xuất phát từ bối cảnh đó, Quốc hội Khóa XII, kỳ họp thứ sáu đã thông qua Nghị quyết về các chỉ tiêu kinh tế năm 2010 khá hợp lý: GDP tăng 6,5%, thu nhập bình quân đầu người 1.200 USD, chỉ số CPI tăng 7%, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 6% so 2009, tổng vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 41% GDP. Tổng thu ngân sách nhà nước là 456,4 nghìn tỉ đồng, tăng 16,8% so với năm 2009, tổng chi ngân sách 581,9 nghìn tỉ đồng, tăng 9,2%.

Căn cứ vào thực trạng và xu hướng phát triển kinh tế năm 2009 và bối cảnh kinh tế thế giới, và trong nước năm 2010, dự báo khả năng đạt được các chỉ tiêu trên đây là hiện thực. Nông nghiệp vẫn là ngành có triển vọng năm 2010 tiếp tục tăng trưởng trên 6% về giá trị sản xuất và 4% về giá trị tăng thêm so với

năm 2009. Sản xuất công nghiệp sẽ phục hồi với tốc độ nhanh dần và cả năm tăng khoảng 13% về giá trị sản xuất và 7% giá trị tăng thêm. Kim ngạch xuất khẩu ước đạt mục tiêu đề ra (6%) do thị trường Mỹ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc phục hồi nhưng chậm. Chỉ số giá tiêu dùng đạt dưới 10%. Tình hình tài chính có triển vọng ổn định, thu chi ngân sách đạt chỉ tiêu đề ra, nhưng bội chi ngân sách có khả năng cao hơn năm 2009 do ảnh hưởng của các gói kích cầu hỗ trợ các doanh nghiệp năm 2009 và 2010.

Để biến các triển vọng trên đây thành hiện thực, năm 2010 cần thực hiện đồng bộ hệ thống nhiều giải pháp kinh tế, tài chính, cơ chế, chính sách, quản lý, điều hành, tổ chức chỉ đạo của các ngành, các cấp và triển khai của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Một số hướng cần tập trung ưu tiên là:

- *Tập trung giải ngân tốt, có chất lượng các nguồn vốn đầu tư phát triển trong nước và nước ngoài.* Là năm cuối của kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, năm có nhiều sự kiện lịch sử lớn, nên nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, các doanh nghiệp, của dân, viện trợ ODA, vốn kiều bào gửi về nước, vốn FDI có triển vọng tăng nhanh và đạt mức cao. Đó là nguồn lực quý không phải năm nào cũng có nên cần có cơ chế, chính sách và giải pháp để quản lý, giải ngân sớm, sử dụng có hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí. Đây là vấn đề rất quan trọng, vì muốn đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao đồng thời ổn định được các cân đối vĩ mô thì phải nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của nền kinh tế.

- *Mở rộng thị trường trong và ngoài nước.* Năm 2010 là năm cuối của kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 và chiến lược 10 năm 2001 - 2010, nên các ngành, địa phương sẽ tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển sản xuất công

nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ sau khi hồi phục kinh tế. Vì vậy, lượng hàng hóa và sản phẩm dịch vụ tung ra thị trường sẽ tăng nhanh, đòi hỏi thị trường tiêu thụ tăng tương ứng. Vì vậy, việc chăm lo tổ chức thu mua, nâng cao chất lượng hàng hóa Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế, giữ thương hiệu và uy tín một số hàng hóa chủ lực, sắp xếp lại cơ cấu hàng hóa năm 2010 là giải pháp vừa mang tính cấp bách trước mắt, vừa có ý nghĩa chiến lược lâu dài nhằm mở rộng thị trường thế giới.

- *Đổi mới cơ chế chính sách kinh tế - tài chính* nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hộ gia đình phát triển theo hướng bền vững, tăng chất lượng, giảm chi phí để tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và thế giới. Cần ban hành các cơ chế, chính sách có tính khả thi nhằm tái cơ cấu nền kinh tế trong hệ thống các ngành sản xuất và dịch vụ.

- *Tập trung nguồn lực của Nhà nước và nhân dân để khắc phục nhanh hậu quả nặng nề của thiên tai* ở các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên do cơn bão số 11 gây ra, đồng thời có biện pháp khắc phục hạn hán, thiếu nước ở các địa phương phía Bắc, nhất là vùng đồng bằng sông Hồng, để bảo đảm vụ đông xuân 2010 đạt năng suất cao.

- *Đi đôi với phát triển kinh tế, năm 2010 Nhà nước cần tập trung cao độ nguồn lực vốn và lao động đầu tư xây dựng mới và nâng cấp kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội* theo yêu cầu phát triển bền vững, nhất là hệ thống giao thông, thủy lợi, điện, nước sạch, vệ sinh môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa. Tăng trưởng kinh tế gắn với bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo, bảo vệ môi trường sinh thái cần được quán triệt trong mọi cấp, mọi ngành. □